

Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày: 18 -7- 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Bình.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Phùng Xuân Thu
Bà Nguyễn Thị Bình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thư, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số /2025/ QĐST-HS, ngày 20/6/2025, đối với bị cáo:

Lê Thị Kim H, sinh ngày 18/6/1988 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã A, tỉnh Quảng Ngãi (trước sáp nhập là thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi); nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không xác định; Con bà: Lê Thị D (Sinh năm: 1960); Có chồng: Lê Tuấn V (Sinh năm: 1986), bị cáo có 02 người con (con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2016).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/11/2019, bị cáo Lê Thị Kim H bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt bị cáo H 19 năm tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Hiện tại bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam G1 – Bộ C3.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông Nguyễn Thanh V1, sinh năm 1984, nơi cư trú: thôn T, xã T, tỉnh Quảng Ngãi (trước sáp nhập là xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi);
 - Ông Đặng Quang G, sinh năm 1985, nơi cư trú: thôn X, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (trước sáp nhập là xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi);
 - Ông Nguyễn Đức H1, sinh năm 1990, nơi cư trú: tổ A, phường N, tỉnh Quảng Ngãi (trước sáp nhập là Tổ G phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi);
 - Ông Nguyễn Tấn H2, sinh năm 1966, nơi cư trú: tổ dân phố D, xã T, tỉnh Quảng Ngãi (trước sáp nhập là thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi);
 - Ông Lê Vũ Duy H3, sinh năm 1990, nơi cư trú: tổ B, phường N, tỉnh Quảng Ngãi (trước sáp nhập là 01 phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi);
 - Bà Hồ Thị Kim C, sinh năm 1964, nơi cư trú: thôn T, S, tỉnh Quảng Ngãi (trước sáp nhập là xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi);
 - Bà Ngô Thị Bích H4, sinh năm 1963, nơi cư trú: tổ A phường C, tỉnh Quảng Ngãi (trước sáp nhập là tổ C, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi);
 - Bà Lê Thị Thu V2, sinh năm 1981, nơi cư trú: thôn C, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (trước sáp nhập là xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi);
 - Ông Lê Quang T, sinh năm 1966;
 - Bà Lâm Thị U, sinh năm 1963;
- Cùng nơi cư trú: thôn Đ, xã V, tỉnh Quảng Ngãi (trước sáp nhập là xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi);
- Ông V2, ông G, ông H1, ông H2, ông H3, bà C, bà H4, bà V2, ông T, bà U vắng mặt tại phiên toà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị Mỹ T1, sinh năm 1986, nơi cư trú: Số A V, phường C, tỉnh Quảng Ngãi (trước sáp nhập là phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi);
- Bà Phùng Thị T2, sinh năm 1963, nơi cư trú: thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Ngãi (trước sáp nhập là xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi).
- Ông Lê Văn L, sinh năm 1987, nơi cư trú: thôn P, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (trước sáp nhập là xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi);
- Bà Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1984, nơi cư trú: thôn X, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (trước sáp nhập là xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi);
- Bà Lê Thị Thanh T4, sinh năm 1985, nơi cư trú: thôn A, xã S, tỉnh Quảng Ngãi (trước sáp nhập là xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi);
- Bà Trương Thị Thảo M, sinh năm 1989, nơi cư trú: xã T, tỉnh Quảng Ngãi (trước sáp nhập là thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi).
- Bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1988, nơi cư trú: thôn L, xã T, tỉnh Quảng Ngãi, (trước sáp nhập là xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi);
- Ông Lê Quang T5, sinh năm 1986, nơi cư trú: thôn V, L, tỉnh Quảng Ngãi (Trước sáp nhập là xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi);
- Ông Nguyễn Hữu T6, sinh năm 1959, nơi cư trú: tổ A phường N, (trước sáp nhập là tổ I, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi);
- Ông Lê Quang L1, sinh năm 1958, nơi cư trú: Số I M, phường N, tỉnh Quảng Ngãi, (trước sáp nhập là phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi);

- Bà Lê Thị T7, sinh năm 1991, nơi cư trú: thôn Đ, xã V, tỉnh Quảng Ngãi (trước sáp nhập là xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi;

Ông Lê Quang T5 có mặt tại phiên tòa,

Bà Mỹ T1, bà T2, ông L, bà T4, bà M, bà Thu T3, bà N, ông T6, ông L1, bà T7 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2011, Lê Thị Kim H được Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Q cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp “Công ty TNHH MTV S1” (gọi tắt là Công ty S1) với các ngành nghề kinh doanh gồm: *Cung ứng và quản lý lao động trong nước; cung ứng lao động tạm thời*; sản xuất bình ly, lục bình, hủ đựng trà, hủ tắm, hộp quả, móc khóa bằng vỏ quế; đại lý đồ gỗ mỹ nghệ các loại. Tuy đã có “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” nhưng trên thực tế, Công ty S1 không được Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Q cấp phép hoạt động về lĩnh vực *cung ứng và quản lý lao động (lao động trong nước và tạm thời)*. Nhưng từ năm 2012, Lê Thị Kim H đã nhận hồ sơ xin việc, tiền của **09** người và hứa hẹn xin được việc làm cho những người này. Tuy nhiên, thực tế H không xin được việc làm, đồng thời, khi bị các bị hại và gia đình họ hối thúc đòi lại tiền thì H đã đến tiệm photocopy ở thành phố Đà Nẵng (không rõ địa chỉ, thông tin) làm giả **03** Quyết định và **02** Thông báo tuyển dụng nhằm mục đích tạo niềm tin cho người đi xin việc. Khi nhận hồ sơ xin việc, H nhờ Lê Thị Mỹ T1 xin việc làm cho Nguyễn Đức H1, Nguyễn Thị Hà C1 và Nguyễn Thanh V1, nhưng T1 không xin được việc làm và đã nói cho H biết. Đồng thời, H đã nhờ bà Phùng Thị Thu Đ giả là bà Trần Thị Kim H5 làm việc tại Sở Nội vụ tỉnh Q để khi những người xin việc điện thoại cho H thì H nhờ bà T2 nói với những người này chờ thêm thời gian nhưng thực tế không có người nào tên H5 như trên. Mặt khác, H có nhờ Lê Văn L là anh ruột của H viết một giấy nhận tiền đề ngày 21/7/2013 mang tên Trần Thị Kim H5 với nội dung bà Trần Thị Kim H5, sinh năm 1965; CMND: 221755167, cấp ngày 4/7/2009 có nhận của cháu Lê Thị Kim H số tiền 15.000.000 đồng về hồ sơ xin việc của cháu H và Lê Quang T5.

Quá trình điều tra xác định các lần phạm tội của Lê Thị Kim H cụ thể như sau:

- **Lần thứ nhất:** Ngày 18/3/2012, ông Nguyễn Thanh V1 đến gặp H và nhờ H xin việc làm cho ông V1 vào làm tại Nhà máy L2, ông V1 đưa cho H số tiền **80.000.000 đồng** (Tám mươi triệu đồng) để H xin việc làm cho ông V1. H làm một Hợp đồng vay vốn và một Giấy nhận tiền đưa cho ông V1 thể hiện việc H nhận số tiền 80.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong, H không đi xin việc làm như đã hứa hẹn mà sử dụng số tiền đã nhận để làm ăn. Do

không xin được việc làm, ông V1 nhiều lần thúc giục, yêu cầu H trả tiền, H đã trả lại cho ông V1 số tiền 60.000.000 đồng, còn lại số tiền 20.000.000 đồng, H hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả. Ngày 23/9/2014, ông V1 viết đơn tố cáo gửi đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q, sau khi làm việc với Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q, H trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho ông V1.

- **Lần thứ hai:** Ngày 30/4/2012, ông Đặng Quang G đến gặp H và nhờ H xin việc làm cho ông G vào làm tại Ngân hàng chính sách tỉnh Q, ông G đưa cho H số tiền **80.000.000 đồng** (Tám mươi triệu đồng) để H xin việc làm cho ông G. H viết một Giấy nhận tiền đưa cho ông G thể hiện việc H nhận số tiền 80.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong, H không đi xin việc làm như đã hứa hẹn mà sử dụng số tiền đã nhận để làm ăn. Ông G chờ lâu không thấy H xin được việc làm nên yêu cầu H dùng số tiền 80.000.000 đồng để xin việc làm cho vợ ông G là bà Nguyễn Thị Thu T3 vào làm việc tại Ngân hàng chính sách tỉnh Q. Do không xin được việc làm, vợ chồng ông G, bà T3 nhiều lần thúc giục, yêu cầu H trả tiền, H trả lại cho vợ chồng ông G số tiền 45.000.000 đồng, còn lại số tiền 35.000.000 đồng, H hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả. Ngày 23/9/2014, bà T3 viết đơn tố cáo gửi đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q, sau khi làm việc với Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q, H đã trả lại số tiền 35.000.000 đồng cho vợ chồng ông G, bà T3.

- **Lần thứ ba:** Ngày 07/6/2012, ông Nguyễn Đức H1 đến gặp H tại Công ty S1, đưa cho H số tiền **50.000.000 đồng** (Năm mươi triệu đồng) để H xin việc làm cho ông H1 vào Đảng ủy Khối cơ quan nhà nước. H lập một Hợp đồng vay vốn và một Giấy nhận tiền thể hiện việc đã nhận của ông H1 số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong, H không đi xin việc làm như hứa hẹn mà sử dụng số tiền đã nhận để làm ăn. Do không xin được việc làm, ông H1 nhiều lần thúc giục, yêu cầu H trả tiền nhưng H chưa trả. Ngày 23/9/2014, ông Nguyễn Đức H1 viết đơn tố cáo gửi đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q. Vào ngày 13/10/2014, H đã trả lại hết cho ông H1 số tiền 50.000.000 đồng.

- **Lần thứ tư:** Năm 2013, ông Nguyễn Tấn H2 (nhờ H xin việc làm cho con gái là Nguyễn Thị Hà C1, H đồng ý xin việc làm cho C1 vào Đảng ủy doanh nghiệp của Tỉnh ủy Q, ông H2 đưa cho H số tiền **50.000.000 đồng** (Năm mươi triệu đồng) để H xin việc làm cho C1. Sau khi nhận tiền xong, H không đi xin việc làm như đã hứa hẹn mà sử dụng số tiền đã nhận để làm ăn. Do không xin được việc làm, ông H2 nhiều lần thúc giục, yêu cầu H trả tiền, H đã trả lại cho ông H2 số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) trước khi Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q làm việc với ông H2.

- **Lần thứ năm:** Ngày 09/02/2013, bà Lê Vũ Duy H3 đến gặp H tại Công ty S1, đưa cho H số tiền **65.000.000 đồng** (Sáu mươi lăm triệu đồng) để H xin việc làm cho bà H3 vào Đảng ủy khối doanh nghiệp. H lập một Hợp đồng vay vốn và một Giấy nhận tiền thể hiện việc đã nhận của bà H3 số tiền 65.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong, H không đi xin việc làm như hứa hẹn mà sử

dụng số tiền đã nhận để làm ăn. Do không xin được việc làm, gia đình H3 nhiều lần thúc giục, yêu cầu H trả tiền nhưng H không trả, ngày 22/9/2014, bà Lê Vũ Duy H3 viết đơn tố cáo gửi đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q. Đến ngày 13/10/2014, H trả lại số tiền 65.000.000 đồng cho bà H3.

- **Lần thứ sáu:** Ngày 28/6/2013, bà Hồ Thị Kim C - mẹ ruột của chị Trương Thị Thảo M đưa số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) cho bà Lê Thị Thanh T4 nhờ bà T4 xin việc làm cho M. Trước đó, bà T4 quen biết với H trong một lần ghé Công ty S1 để mua tinh dầu, sau đó nhiều lần gặp gỡ H, nghe H nói quen biết nhiều người và có khả năng xin được việc làm nên khi bà C nhờ xin việc làm cho chị M thì bà T4 nhờ H xin việc làm giúp M. Cùng ngày, bà T4 đưa số tiền **60.000.000 đồng** cho H, H lập một Hợp đồng vay vốn đưa cho bà T4, trong đó, thể hiện H đã nhận của bà T4 số tiền 60.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong, H không đi xin việc làm như hứa hẹn mà sử dụng số tiền đã nhận để làm ăn. Do không xin được việc làm và bị gia đình M nhiều lần thúc giục, yêu cầu trả tiền, H đã làm giả **01 Quyết định** về việc tuyển dụng viên chức và **01 Thông báo** về việc nhận quyết định tuyển dụng của Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Q về việc tuyển dụng Trương Thị Thảo M đưa cho gia đình M, nhằm mục đích kéo dài thời gian để trả lại tiền. Vì nghi ngờ quyết định và thông báo trên là giả, gia đình M đến Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Q hỏi thì được biết quyết định và thông báo trên là giả. Gia đình M yêu cầu H trả lại tiền nhưng H hứa hẹn nhiều lần không trả, đến ngày 02/10/2014, H đã trả lại số tiền 60.000.000 đồng và 4.500.000 đồng tiền lãi cho bà T4, bà T4 đưa lại số tiền trên cho bà C. Ngày 08/10/2014, bà C viết đơn tố cáo gửi đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q.

- **Lần thứ bảy:** Ngày 10/6/2013, bà Ngô Thị Bích H4 – mẹ ruột ông Nguyễn Đức H1, thông qua H1 nhờ H xin việc làm cho con gái là Nguyễn Thị Thúy N vào làm việc Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi, đưa cho H số tiền **40.000.000 đồng** (Bốn mươi triệu đồng) để H xin việc làm cho N. H lập một Hợp đồng vay vốn và một Giấy nhận tiền thể hiện việc H nhận số tiền 40.000.000 đồng của bà H4. Sau khi nhận tiền xong, H không đi xin việc làm như đã hứa hẹn mà sử dụng số tiền đã nhận để làm ăn. Do không xin được việc làm, bà H4 nhiều lần thúc giục, yêu cầu trả tiền, H đã trả lại cho bà H4 số tiền 25.000.000 đồng, còn lại số tiền 15.000.000 đồng H hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả. Ngày 23/9/2014, ông Nguyễn Đức H1 viết đơn tố cáo gửi đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q. Sau khi làm việc với Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q 13/10/2014, H đã trả lại số tiền 15.000.000 đồng cho bà H4.

- **Lần thứ tám:** Khoảng tháng 7/2013, chị Lê Thị Thu V2 có nhu cầu xin việc cho em trai là Lê Quang T5 nên nhờ ông Ngô Hữu T8 xin việc giúp cho anh T5. Ông T8 nhờ bạn của mình là ông Lê Quang L1 xin việc cho T5. Khoảng tháng 10/2013, ông L1 hẹn gặp, hỏi H có khả năng xin được việc làm hay không thì H trả lời được, sau đó, ông T8 nói lại sự việc gặp H cho ông L1

nghe. Vào ngày 16/10/2013, ông L1 gặp chị V2 và chị V2 đưa cho ông L1 một bộ hồ sơ xin việc, trong hồ sơ gồm có: Đơn xin việc làm, giấy khám sức khỏe, chứng minh nhân dân bản photo, bằng tốt nghiệp bản photo của Lê Quang T5. Sau đó, ông L1 lấy hồ sơ xin việc của T5 và đến gặp H, đưa trực tiếp hồ sơ cho H, ông L1 nói với H xin cho Lê Quang T5 vào doanh nghiệp hoặc nhà nước gì cũng được, khi nào xin được sẽ gửi quà cho H sau, nghe vậy thì H đồng ý và nhận hồ sơ xin việc của T5.

Khoảng tháng 7/2014, H liên lạc và đưa cho ông L1 **01 Quyết định** về việc tuyển dụng công chức Lê Quang T5 của Sở Nội vụ tỉnh Q, do ông Trần Văn T9 – Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Q ký, đồng thời nói ông L1 đưa cho gia đình T5 xem rồi trả lại cho H. Ông L1 về đưa quyết định trên cho ông T8 xem và đến nhà chị V2, đưa quyết định cho chị V2 để đưa cho T5.

Đến khoảng tháng 8/2014, H tiếp tục liên lạc với ông L1, nói ông L1 đến công ty của H để nhận quyết định tuyển dụng Lê Quang T5 của Sở Y tế tỉnh Q. Nghe vậy, ông L1 đến công ty của H nhưng công ty đóng cửa, ông L1 liên lạc với H thì được H hẹn đến quán C4, đường P, thành phố Q để nhận quyết định. Khi ông L1 đến nơi, có một nhân viên nữ làm trong công ty của H (không rõ nhân thân, địa chỉ) đưa cho ông L1 một bản photo quyết định về việc tiếp nhận Lê Quang T5 về làm việc tại phòng Hành chính Trung tâm sát rét tỉnh Q, do ông Nguyễn Tấn Đ1 – Giám đốc Sở Y tế tỉnh Q ký. Khi thấy bản photo ông L1 không đồng ý nhận và điện thoại cho H, yêu cầu được nhận bản chính, nghe vậy thì H đồng ý và nói nhân viên của H đưa bản chính cùng bản photo cho ông L1. Ngày 10/9/2014, ông L1 đưa **01 Quyết định** tuyển dụng Lê Quang T5 của Sở Y tế tỉnh Q cho ông T8 và nói ông Tân giữ để sáng ngày 15/9/2014, H sẽ dẫn T5 đi làm ở Trung tâm sát rét tỉnh Q. Cả 02 quyết định trên, ông T8 đưa cho chị V2 để đưa cho T5. Đến ngày 15/9/2014, anh T5 mang 02 quyết định đi công chứng thì phát hiện cả hai quyết định trên là giả.

- **Lần thứ chín:** Ngày 22/8/2014, vợ chồng ông Lê Quang T, bà Lâm Thị U đưa cho bà Phùng Thị T2 số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) để nhờ bà T2 xin việc cho Lê Thị Trương V3 dạy tại trường THPT C5, huyện T. Sau đó, bà T2 đưa cho H số tiền **50.000.000đồng** để H xin việc làm cho T7. Sau khi nhận tiền xong, H không đi xin việc làm như hứa hẹn mà sử dụng số tiền đã nhận để làm ăn. Do không xin được việc làm và bị gia đình T7 nhiều lần thúc giục, yêu cầu trả tiền, bị can H làm giả **01 Thông báo** về việc nhận quyết định tuyển dụng của Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Q về việc đề nghị Lê Thị Trương đúng 09 giờ 00 phút ngày 16/9/2014 đến Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Q để nhận quyết định phân công tác. Ngày 16/9/2014, bà Lê Thị T7 đến Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Q để nhận quyết định thì được biết thông báo trên là giả. Ngày 22/9/2014, bà T7 viết đơn tố cáo gửi đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q. Ngày 02/10/2014, H đã trả lại số tiền 50.000.000đồng cho bà Phùng Thị T2 và bà T2 đã đưa lại cho gia đình bà T7.

*** Kết quả trưng cầu giám định:**

- Ngày 18/9/2014, Phòng K Công an tỉnh Q ban hành Kết luận giám định số: 748/PC54 kết luận:

Hình dấu tròn có nội dung: “Sở Nội vụ tỉnh Q” trên “Quyết định về việc Tuyển dụng công chức” số 1205/QĐ-SNV, đề ngày 18/4/2014 ghi của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Q và hình dấu tròn có nội dung: “Sở Y tế tỉnh Q” trên “Quyết định về việc tiếp nhận cán bộ nhân viên” số 816/QĐ-SYT, đề ngày 08/7/2014 ghi của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Q không phải do con dấu có cùng nội dung của Sở Nội vụ tỉnh Q và Sở Y tế tỉnh Q đóng ra.

Chữ ký đứng tên “Trần Văn T9” trên “Quyết định về việc Tuyển dụng công chức” số 1205/QĐ-SNV, đề ngày 18/4/2014 ghi của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Q và chữ ký đứng tên “Nguyễn Tấn Đ1” trên “Quyết định về việc tiếp nhận cán bộ nhân viên” số 816/QĐ-SYT, đề ngày 08/7/2014 ghi của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Q không phải do ông Trần Văn T9 – Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Q và ông Nguyễn Tấn Đ1 – Giám đốc Sở Y tế tỉnh Q ký ra.

- Ngày 29/9/2014, Phòng K Công an tỉnh Q ban hành Kết luận giám định số: 866/PC54 kết luận:

Hình dấu tròn có nội dung: “Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Q” trên “Quyết định về việc tiếp nhận cán bộ nhân viên” số 924/QĐ-SLĐTBXH, đề ngày 09/05/2014 ghi của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Q và hình dấu tròn có nội dung: “Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi” trên “Thông báo V/v nhận quyết định tuyển dụng” số 187/TB-SGDĐT, đề ngày 20/08/2014 ghi của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q không phải do con dấu có cùng nội dung của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Q, và Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q đóng ra.

Chữ ký đứng tên “Nguyễn Duy N1” trên “Quyết định về việc tiếp nhận cán bộ nhân viên” số 924/QĐ-SLĐTBXH, đề ngày 09/05/2014 ghi của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Q và chữ ký đứng tên “Đoàn Dụng” trên “Thông báo V/v nhận quyết định tuyển dụng” số 187/TB-SGDĐT, đề ngày 20/08/2014 ghi của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q không phải do ông Nguyễn Duy N1 – Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Q và ông Đoàn D1 – Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q ký ra.

- Ngày 25/6/2015, Phòng K Công an tỉnh Q ban hành Kết luận giám định số: 761/PC54 kết luận:

Hình dấu tròn có nội dung: “Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q” trên “Quyết định về việc tuyển dụng viên chức” số 2019/QĐ-GD&ĐT, đề ngày 04/09/2014 ghi của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q và trên “Thông báo V/v nhận quyết định tuyển dụng” số 186/TB-SGDĐT, đề ngày 15/08/2014 ghi của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q không phải do con dấu có cùng nội dung của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q trực tiếp đóng ra.

Chữ ký đứng tên “Đoàn Dung” trên “Quyết định về việc tuyển dụng viên chức” số 2019/QĐ-GD&ĐT, đề ngày 04/09/2014 ghi của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q và trên “Thông báo V/v nhận quyết định tuyển dụng” số 186/TB-SGDĐT, đề ngày 15/08/2014 ghi của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q không phải do ông Đoàn D1 – Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q trực tiếp ký ra.

- Ngày 17/11/2016, Phòng K Công an tỉnh Q ban hành Kết luận giám định số: 1695/KLGD-PC54 kết luận:

Chữ viết trên tài liệu cần giám định có dấu đề “Giấy nhận tiền” đề ngày 21/07/2013, đứng tên Trần Thị Kim H5 là bản photocopy nên không tiến hành giám định.

Chữ viết trên tài liệu cần giám định có dấu đề “Giấy mượn tiền” đề ngày 21/04/2014, đứng tên Trần Thị Kim H5 với chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh có dấu đề “Giấy nhận tiền” đề ngày 21/7/2013, đứng tên Trần Thị Kim H5, ghi do Lê Văn L viết tại Cơ quan CSĐT Công an T, “Bản tự khai”, đề ngày 28/10/2016, ghi tên người khai Lê Văn L và các dòng chữ xác nhận lời khai đề tên Lê Văn L trên “Biên bản ghi lời khai” đề ngày 28/10/2016 là không phải do cùng một người viết ra.

*** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:**

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã thu giữ một số vật chứng sau:

- Tạm giữ từ bà Hồ Thị Kim C: 01 (một) Quyết định về việc tuyển dụng viên chức số 2019/QĐ-GD&ĐT ngày 04/09/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q về việc tuyển dụng bà Trương Thị Thảo M về dạy tại trường THPT số 1 S do ông Đoàn D1 – Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q ký.

- Tạm giữ từ ông Lê Quang T5:

+ 01 (một) Quyết định về việc tuyển dụng công chức số 1205/QĐ-SNV ngày 18/04/2014 của Sở Nội vụ tỉnh Q về việc tuyển dụng ông Lê Quang T5 đến nhận công tác tại Phòng hành chính – Trung tâm phòng chống sốt rét tỉnh Q do ông Trần Văn T9 – Giám đốc Sở Nội vụ ký.

+ 01 (một) Quyết định về việc tiếp nhận cán bộ nhân viên số 816/QĐ-SYT ngày 08/07/2014 của Sở Y tế tỉnh Q về việc chấp thuận cho ông Lê Quang T5 về làm việc tại Phòng hành chính Trung tâm phòng chống sốt rét tỉnh Q kể từ ngày 15/09/2014 do ông Nguyễn Tấn Đ1 – Giám đốc Sở Y tế ký.

- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q cung cấp:

+ 01 (một) Thông báo về việc nhận quyết định tuyển dụng số 187/TB-SGDĐT ngày 20/08/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q về việc thông báo cho bà Lê Thị T7 đến Phòng tổ chức – Hành chính Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q để nhận quyết định phân công tác vào ngày 16/09/2014, do ông Đoàn D1 – Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ký.

+ 01 (một) Thông báo về việc nhận quyết định tuyển dụng số 186/TB-SGDDT ngày 15/08/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q về việc thông báo cho bà Trương Thị Thảo M đến Phòng tổ chức – Hành chính Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q để nhận quyết định phân công tác vào ngày 05/09/2014, do ông Đoàn D1 – Giám đốc Sở G ký (Bản photo).

- Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Q cung cấp: 01 (một) Quyết định về việc tiếp nhận cán bộ nhân viên số 924/QĐ-SLĐTBXH ngày 09/05/2014 của Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Q về việc tiếp nhận bà Trần Thị Hồng A vào làm việc tại Phòng việc làm – An toàn lao động của Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Q kể từ ngày 02/07/2014, do ông Nguyễn Duy N1 – Giám đốc Sở L ký (Bản photo).

Về dân sự: Bị cáo Lê Thị Kim H đã trả lại tổng số tiền **475.000.000 đồng** (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng) cho các bị hại. Những người bị hại trong vụ án không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Tại Bản cáo trạng số: 145/CT-VKS-TPQN ngày 26/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Lê Thị Kim H tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị Kim H tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Kim H từ 07 (Bảy) năm đến 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù.

Đề nghị căn cứ điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Thị Kim H từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt của hai tội đối với bị cáo Lê Thị Kim H từ 09 (chín) năm đến 10 (M1) năm tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp với hình phạt 19 năm tù giam về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tại bản án hình sự phúc thẩm số 401/2019/HS-PT ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa ngày 20/6/2025, bị cáo vắng mặt vì lý do sức khỏe, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 290, 292, 297 và 299 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định hoãn phiên tòa.

[3] Tại phiên tòa ngày 18/7/2025, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ vắng mặt không có lý do lần thứ hai, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành phiên tòa.

[4] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị Kim H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với kết quả giám định, các vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Từ tháng 3/2012 đến tháng 8 năm 2014 bị cáo Lê Thị Kim H đã **09 lần** nhận hồ sơ xin việc của ông Nguyễn Thanh V1, vợ chồng ông Đặng Quang G bà Nguyễn Thị Thu T3, ông Nguyễn Đức H1, bà Nguyễn Thị Hà C1, bà Lê Vũ Duy H3, bà Trương Thị Thảo M, bà Nguyễn Thị Thúy N, ông Lê Quang T5, bà Lê Thị T7; Bị cáo Lê Thị Kim H đã nhận của ông Nguyễn Thanh V1, vợ chồng ông Đặng Quang G bà Nguyễn Thị Thu T3, ông Nguyễn Đức H1, ông Nguyễn Tấn H2 (là cha của bà Nguyễn Thị Hà C1), bà Lê Vũ Duy H3, bà Hồ Thị Kim C (mẹ của bà Trương Thị Thảo M), bà Ngô Thị Bích H4 (mẹ của bà Nguyễn Thị Thúy N) và vợ chồng ông Lê Quang T bà Lâm Thị U (cha và mẹ của bà Lê Thị T7) tổng số tiền **475.000.000 đồng** để xin việc làm cho ông V1, bà T3, ông H1, bà C, bà H3, bà M, bà N và bà T7, nhưng thực tế bị cáo H không thực hiện việc xin việc làm mà chiếm đoạt số tiền trên nhằm mục đích lấy tiền kinh doanh, làm ăn.

Sau khi nhận hồ sơ và nhận tiền của những người nêu trên, bị cáo H không thực hiện được việc xin việc làm, nên khi bị người xin việc làm và gia đình của họ hỏi thúc nhiều lần, bị cáo H đã làm giả 01 Quyết định tuyển dụng và 02 Thông báo về việc nhận quyết định tuyển dụng của Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Q, 01 Quyết định tuyển dụng của Sở Nội vụ tỉnh Q, 01 Quyết định tuyển dụng của Sở Y tế tỉnh Q và đưa cho bà Trương Thị Thảo M, bà Lê Thị T7 và ông Lê Quang T5, nhằm mục đích kéo dài thời gian trả lại tiền cho các

bị hại. Như vậy, bị cáo H đã trên 02 lần làm giả 03 Quyết định và 02 Thông báo tuyển dụng của Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Q, Sở Nội vụ tỉnh Q và Sở Y tế tỉnh Q, là thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần.

Hành vi nêu trên bị cáo Lê Thị Kim H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã truy tố là có căn cứ.

[5] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Lê Thị Kim H là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác và làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức là trái pháp luật, nhưng vì lòng tham, vì mục đích vụ lợi muốn kiếm tiền nhanh chóng để làm vốn làm ăn nên bị cáo Lê Thị Kim H đã không từ thủ đoạn làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo Lê Thị Kim H thực hiện hành vi “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” không chỉ một lần, điều đó thể hiện bị cáo rất xem thường pháp luật. Bị cáo Lê Thị Kim H thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan hành chính nhà nước, xâm phạm quyền về tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, bị cáo Lê Thị Kim H phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thị Kim H thành khẩn khai báo và đã bồi thường thiệt hại cho các bị hại, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng đã tạm giữ từ bà Hồ Thị Kim C, ông Lê Quang T5, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q, Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Q, hiện đang lưu trữ tại hồ sơ, tiếp tục được lưu trữ theo hồ sơ vụ án, gồm có:

- 01 (một) Quyết định về việc tuyển dụng viên chức số 2019/QĐ-GD&ĐT ngày 04/09/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q về việc tuyển dụng bà Trương Thị Thảo M về dạy tại trường THPT số 1 S do ông Đoàn D1 – Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q ký.

- 01 (một) Quyết định về việc tuyển dụng công chức số 1205/QĐ-SNV ngày 18/04/2014 của Sở Nội vụ tỉnh Q về việc tuyển dụng ông Lê Quang T5 đến nhận công tác tại Phòng hành chính – Trung tâm phòng chống sốt rét tỉnh Q do ông Trần Văn T9 – Giám đốc Sở Nội vụ ký.

- 01 (một) Quyết định về việc tiếp nhận cán bộ nhân viên số 816/QĐ-SYT ngày 08/07/2014 của Sở Y tế tỉnh Q về việc chấp thuận cho ông Lê Quang T5 về làm việc tại Phòng hành chính Trung tâm phòng chống sốt rét tỉnh Q kể từ ngày 15/09/2014 do ông Nguyễn Tấn Đ1 – Giám đốc Sở Y tế ký.

- 01 (một) Thông báo về việc nhận quyết định tuyển dụng số 187/TB-SGDĐT ngày 20/08/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q về việc thông báo cho bà Lê Thị T7 đến Phòng tổ chức – Hành chính Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q để nhận quyết định phân công tác vào ngày 16/09/2014, do ông Đoàn D1 – Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ký.

- 01 (một) Thông báo về việc nhận quyết định tuyển dụng số 186/TB-SGDĐT ngày 15/08/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q về việc thông báo cho bà Trương Thị Thảo M đến Phòng tổ chức – Hành chính Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q để nhận quyết định phân công tác vào ngày 05/09/2014, do ông Đoàn D1 – Giám đốc Sở G ký (Bản photo).

- 01 (một) Quyết định về việc tiếp nhận cán bộ nhân viên số 924/QĐ-SLĐTBXH ngày 09/05/2014 của Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Q về việc tiếp nhận bà Trần Thị Hồng A vào làm việc tại Phòng việc làm – An toàn lao động của Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Q kể từ ngày 02/07/2014, do ông Nguyễn Duy N1 – Giám đốc Sở L ký (Bản photo).

[8] Những đối tượng liên quan đến vụ án:

- *Đối với bà Phùng Thị T2:* Vợ chồng ông Lê Quang T, bà Lâm Thị U đưa cho bà T2 số tiền 50.000.000đồng để bà T2 xin việc làm cho Lê Thị Trương. Bà T2 đưa lại số tiền 50.000.000đồng cho bị cáo H, nhờ bị cáo H xin việc làm cho T7 thì bị cáo H đồng ý. Bà T2 không được hưởng lợi gì từ số tiền trên, khi bị cáo H đưa cho bà T2 một thông báo giả về việc tuyển dụng Lê Thị T7 thì bà T2 không biết thông báo này là giả. Đồng thời, bị cáo H một lần nhờ bà T2 khi có người điện thoại đến đòi tiền thì bà T2 trả lời tên là H5 và hẹn từ từ trả tiền. Bà T2 hỏi lý do vì sao bị cáo H nhờ bà T2 đóng giả người tên H5 thì bị cáo H nói đang nợ tiền, nhờ bà T2 nói như vậy để kéo dài thời gian trả tiền, nghe vậy thì bà T2 đồng ý. Hành vi của bà Phùng Thị T2 không có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- *Đối với Lê Thị Mỹ T1:* H nhờ T1 xin việc làm cho Nguyễn Đức H1, Nguyễn Thị Hà C1 và Nguyễn Thanh V1. Tuy nhiên, T1 không xin được việc

làm nên đã nói lại với bị cáo H và dùng xin việc làm cho ông H1, bà C1 và ông V1. Khi nhờ T1 xin việc làm, bị cáo H nói khi nào xin được việc sẽ cảm ơn Thùy sau và không đưa tiền gì cho T1. Vì vậy, hành vi của Lê Thị Mỹ T1 không có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- *Đối với Lê Thị Thanh T4*: Bà Hồ Thị Kim C đưa cho bà T4 số tiền 60.000.000đồng để nhờ bà T4 xin việc làm cho Trương Thị Thảo M. Bà T4 đưa lại số tiền 60.000.000đồng cho H, nhờ H xin việc làm cho M thì bị cáo H đồng ý. Bà T4 không được hưởng lợi gì từ số tiền trên. Vì vậy, hành vi của Lê Thị Thanh T4 không có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- *Đối với Ngô Hữu T8 và Lê Quang L1*: Bà Lê Thị Thu V2 nhờ ông T8 xin việc cho em trai là Lê Quang T5 thì ông T8 đồng ý, sau đó, ông T8 nhờ ông L1 xin việc cho T5. Ông L1 gửi hồ sơ xin việc và nhờ H xin việc cho T5 thì bị cáo H đồng ý. Sau đó, bị cáo H liên lạc và đưa cho ông L1 để ông L1 đưa cho ông T8 đưa cho bà V2 02 quyết định giả về việc tuyển dụng Lê Quang T5 thì ông T8, ông L1 không biết thông báo này là giả. Hành vi của ông Ngô Hữu T8 và Lê Quang L1 không có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo H về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- *Đối với Lê Văn L*: Bị cáo H nhờ L viết một giấy nhận tiền đề ngày 21/7/2013 mang tên Trần Thị Kim H5 với nội dung bà Trần Thị Kim H5, sinh năm 1965; CMND: 221755167, cấp ngày 4/7/2009 có nhận của cháu Lê Thị Kim H số tiền 15.000.000đồng về hồ sơ xin việc của cháu H và Lê Quang T5. L nghĩ bị cáo H là em ruột, chỉ nhờ viết nội dung nêu trên liên quan đến công việc của H nên L đồng ý viết dùm, không hưởng lợi gì. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Q trung cầu giám định chữ viết của Lê Văn L và chữ viết trên giấy nhận tiền mang tên Trần Thị Kim H5. Ngày 17/11/2016, Phòng K Công an tỉnh Q ban hành Kết luận giám định số 1695/KLGD-PC54 kết luận: “*Chữ viết trên “Giấy nhận tiền” đề ngày 21/7/2013, đứng tên Trần Thị Kim H5 là bản photocopy nên không tiến hành giám định; Chữ viết trên “Giấy mượn tiền” đề ngày 21/4/2014, đứng tên Trần Thị Kim H5 với chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh có dấu đề “Giấy nhận tiền” đề ngày 21/07/2013, đứng tên Trần Thị Kim H5, ghi do Lê Văn L viết tại Cơ quan CSĐT Công an thành phố Q, “Bản tự khai” đề ngày 28/10/2016, ghi tên người khai Lê Văn L và các dòng chữ xác nhận lời khai đề tên Lê Văn L trên “Biên bản ghi lời khai” đề ngày 28/10/2016 là không phải do cùng một người viết ra*”. Vì vậy, hành vi của Lê Văn L không đủ yếu tố cấu thành tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”,

quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với vai trò đồng phạm với bị cáo H.

- Đối với một Quyết định về việc tiếp nhận cán bộ nhân viên số 924/QĐ-SLĐTBXH ngày 09/5/2014 tiếp nhận bà Trần Thị Hồng Á vào làm việc tại Phòng việc làm – An toàn lao động của Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Q kể từ ngày 02/7/2014 do ông Nguyễn Duy N1 – Giám đốc Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Q cung cấp: Trên quyết định không thể hiện rõ nhân thân, lai lịch của bà Trần Thị Hồng Á nên Cơ quan điều tra không làm việc được, đồng thời quá trình điều tra bị cáo H không thừa nhận làm giả quyết định này. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Q tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Tuyên bố bị cáo Lê Thị Kim H phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim H 02 (Hai) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”;

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim H 09 (Chín) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt của tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” đối với bị cáo Lê Thị Kim H là 11 (Mười một) năm tù.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 19 năm tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 401/2019/HS- PT ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, buộc bị cáo Lê Thị Kim H phải chấp hành chung hình phạt là 30 (Ba mươi) năm tù, thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 21/11/2019.

2. Về xử lý vật chứng : Các vật chứng đã tạm giữ từ bà Hồ Thị Kim C, ông Lê Quang T5, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q, Sở Lao động thương binh và xã

hội tỉnh Q, hiện đang lưu trữ tại hồ sơ, tiếp tục được lưu trữ theo hồ sơ vụ án, gồm có:

- 01 (một) Quyết định về việc tuyển dụng viên chức số 2019/QĐ-GD&ĐT ngày 04/09/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q về việc tuyển dụng bà Trương Thị Thảo M về dạy tại trường THPT số 1 S do ông Đoàn D1 – Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q ký.

- 01 (một) Quyết định về việc tuyển dụng công chức số 1205/QĐ-SNV ngày 18/04/2014 của Sở Nội vụ tỉnh Q về việc tuyển dụng ông Lê Quang T5 đến nhận công tác tại Phòng hành chính – Trung tâm phòng chống sốt rét tỉnh Q do ông Trần Văn T9 – Giám đốc Sở Nội vụ ký.

- 01 (một) Quyết định về việc tiếp nhận cán bộ nhân viên số 816/QĐ-SYT ngày 08/07/2014 của Sở Y tế tỉnh Q về việc chấp thuận cho ông Lê Quang T5 về làm việc tại Phòng hành chính Trung tâm phòng chống sốt rét tỉnh Q kể từ ngày 15/09/2014 do ông Nguyễn Tấn Đ1 – Giám đốc Sở Y tế ký.

- 01 (một) Thông báo về việc nhận quyết định tuyển dụng số 187/TB-SGDĐT ngày 20/08/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q về việc thông báo cho bà Lê Thị T7 đến Phòng tổ chức – Hành chính Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q để nhận quyết định phân công tác vào ngày 16/09/2014, do ông Đoàn D1 – Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ký.

- 01 (một) Thông báo về việc nhận quyết định tuyển dụng số 186/TB-SGDĐT ngày 15/08/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q về việc thông báo cho bà Trương Thị Thảo M đến Phòng tổ chức – Hành chính Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Q để nhận quyết định phân công tác vào ngày 05/09/2014, do ông Đoàn D1 – Giám đốc Sở G ký (Bản photo).

- 01 (một) Quyết định về việc tiếp nhận cán bộ nhân viên số 924/QĐ-SLĐTBXH ngày 09/05/2014 của Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Q về việc tiếp nhận bà Trần Thị Hồng A vào làm việc tại Phòng việc làm – An toàn lao động của Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Q kể từ ngày 02/07/2014, do ông Nguyễn Duy N1 – Giám đốc Sở L ký (Bản photo).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Buộc bị cáo Lê Thị Kim H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 1- Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phân trại tạm giam khu vực 1 Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS Tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Bình